

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

Số: **153**/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày **31** tháng **7** năm 2024

KẾ HOẠCH

Phát triển và Quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ đảm bảo phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030

Thực hiện Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ đảm bảo phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 với các nội dung cụ thể như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ là nhiệm vụ quan trọng góp phần xây dựng tỉnh Quảng Trị văn minh, hiện đại; phát huy vai trò quản lý Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ.

2. Phát triển phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ từ nguồn vốn xã hội hóa; phát triển bảo đảm bền vững, hiệu quả, thiết thực; khuyến khích sử dụng phương tiện thân thiện với môi trường, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ vận tải hành khách bằng đường bộ.

3. Hình thành hệ thống vận tải hành khách bằng đường bộ đồng bộ, thống nhất, kết nối giữa các loại hình vận tải khác; công tác tổ chức điều hành khoa học, hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Quảng Trị.

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu chung

- Phát triển phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các quy hoạch khác có liên quan và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức khoa học mạng lưới vận tải hành khách đường bộ trong tỉnh tạo thành một mạng lưới vận tải thông suốt, cơ động. Phối hợp chặt chẽ giữa các loại hình và lực lượng tham gia vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy giao lưu văn hóa. Nâng cao chất lượng và khối lượng vận tải hành khách, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, chú trọng phát triển các tuyến vận tải kết nối các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới.

- Đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại của người dân, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ của đơn vị vận tải hành khách; đề ra định hướng phát triển phương tiện và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, chất lượng phương tiện, dịch vụ vận tải.

- Nâng cao năng lực quản lý điều hành; xây dựng các giải pháp quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

- Kiểm soát được tình hình hoạt động và sự gia tăng về số lượng phương tiện của các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh, đảm bảo cân đối giữa cung và cầu nhằm hạn chế lãng phí xã hội, đầu tư kém hiệu quả trong hoạt động kinh doanh vận tải.

- Tạo ra lực lượng vận tải hành khách bằng xe ô tô có đủ khả năng đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong tỉnh và ngoài tỉnh, khách du lịch với độ tin cậy cao, chất lượng phục vụ ở mức tốt nhất để có thể thay thế xe mô tô, xe gắn máy và phần lớn các phương tiện vận tải cá nhân khác.

3. Yêu cầu

Dự kiến số lượng phương tiện đến năm 2030 của các loại hình vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe hợp đồng, xe du lịch, xe taxi. Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để thực hiện; phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhằm quản lý tốt và phát triển mạng lưới vận tải hành khách đường bộ phù hợp, tăng tỷ trọng các loại hình vận tải hành khách công cộng, đảm bảo kết nối đến các khu vực đông dân cư, các khu vực có nhu cầu đi lại và tăng mật độ bao phủ đến các huyện, các trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. HIỆN TRẠNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ

1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.1. Hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ

Theo số liệu thống kê tính đến tháng 03/2023, tổng số km đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là 8.756 km, cụ thể:

- **Đường quốc lộ:** Có 9 tuyến với chiều dài 515,6 km, chiếm tỷ lệ 12,4% tổng chiều dài đường bộ, gồm: Quốc lộ 1A (gồm cả đoạn tránh Hiền Lương); Quốc lộ 9 (bao gồm cả tuyến tránh phía Bắc và phía Nam), Quốc lộ 9D, Đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, Quốc lộ 49C, Quốc lộ 15D, Tuyến nối từ QL.1 đến đường HCM nhánh Đông, Tuyến tránh QL.1 đoạn qua thị xã Quảng Trị (hạng mục cầu Thành Cổ và Đường dẫn).

- **Đường tỉnh:** Có 22 tuyến với chiều dài 283,17 km, chiếm tỷ lệ 5,76% tổng chiều dài đường bộ, tăng 28,7 km so với năm 2014. Hệ thống đường tỉnh có quy mô chủ yếu là đường cấp IV_{mn} (02 làn xe), một số ít đoạn đạt cấp V_{mn} (01 làn xe); chủ yếu là đường láng nhựa (chiếm 96,5%), một số tuyến được đầu tư, khai thác đã lâu, chưa được cải tạo nâng cấp nên năng lực khai thác còn yếu so với nhu cầu hiện nay.

- **Đường huyện:** Có 178 tuyến với chiều dài 1.331km, chiếm 31,19% tổng chiều dài đường bộ, tăng 210 km so với năm 2014.

- **Đường đô thị:** Có 756 tuyến với chiều dài 871,3 km chiếm 21,07% tổng chiều dài đường bộ, tỷ lệ cứng hóa đạt 100%.

- **Đường xã:** Có 882 tuyến với chiều dài 1.035 km chiếm 25,3% tổng chiều dài đường bộ.

- **Đường chuyên dùng:** Có 35 tuyến với chiều dài là 98 km, chiếm 0,23% tổng chiều dài đường bộ.

- **Đường giao thông nông thôn:** có chiều dài khoảng 4.622 km.

1.2. Kết cấu hạ tầng hỗ trợ dịch vụ vận tải

- **Bến xe khách:** Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện có:

+ 03 bến xe khách liên tỉnh đã được đầu tư nâng cấp, công bố đưa vào khai thác các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh từ Quảng Trị đi các địa phương gồm: 01 Bến xe khách loại 1 (Bến xe Đông Hà), 01 Bến xe khách loại 3 (Bến xe Lao Bảo), 01 Bến xe khách loại 4 (Bến xe thị xã Quảng Trị).

+ 03 bến xe khách từ loại 5 trở xuống đã được công bố đưa vào khai thác các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh từ Quảng Trị đi các địa phương có cự ly dưới 300 km và các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh gồm: 02 Bến xe khách loại 5 (Bến xe Hồ Xá, Bến xe Khe Sanh), 01 Bến xe khách loại 6 (Bến xe Hải Lăng).

+ Ngoài ra còn có các điểm dừng, đón trả khách tại các địa phương như: Hướng Phùng, A Ngo, Hướng Lập, Bồ Bản phục vụ nhu cầu đi lại của người dân tại các địa điểm nơi chưa có bến xe khách.

Theo Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, theo đó sẽ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp cải tạo các loại bến xe các cấp để nâng cao chất lượng dịch vụ và tỷ lệ người dân sử dụng phương tiện công cộng, dịch vụ vận tải, cụ thể:

+ Bến xe đầu tư xây dựng mới: (1) Bến xe trung tâm TP. Đông Hà: Diện tích: 45.000m², vị trí: Giao đường Thuận Châu và đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà; đạt tiêu chuẩn bến xe loại 1; (2) Bến xe khu vực Mỹ Thủy, huyện Hải Lăng: Diện tích: 10.000m², vị trí: Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2; (3) Bến xe La Lay, huyện Đakrông: Diện tích: 3.000m², vị trí: Khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4; (4) Bến xe phía Bắc thành phố Đông Hà: Diện tích: 20.000m², vị trí: Km 754/QL.1A, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 1; (5) Bến xe khu vực Cửa Việt: Diện tích: 22.600m², vị trí: Phía Nam TT.Cửa Việt (xã Triệu An), đạt tiêu chuẩn bến xe loại 1; (6) Bến xe Bồ Bản: Diện tích: 3.000m², vị trí: Bồ Bản, Triệu Phước, Triệu Phong, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4; (7) Bến xe Cam Lộ: Diện tích: 1.500m², vị trí: thị trấn Cam Lộ, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5; (8) Bến xe Triệu Thượng: Diện tích: 2.500m², vị trí: xã Triệu Thượng (giáp thị trấn Ái Tử), đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4.

+ Bến xe đầu tư nâng cấp: (1) Bến xe thị xã Quảng Trị: Diện tích: 3.450m², vị trí: Phường 1-TX Quảng Trị, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 4; (2) Bến xe Hải Lăng: Diện tích: 1.650m², vị trí: thị trấn Hải Lăng, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5; (3) Bến xe Khe Sanh: Diện tích: 1.322m²; vị trí: thị trấn Khe Sanh, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5; (4) Bến xe Cửa Việt: Diện tích :12.000m², vị trí: TT.Cửa Việt, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2; (5) Bến xe Vĩnh Linh: (di dời bến xe Hồ Xá hiện tại): Diện tích: 1.362m², vị trí: Huyện Vĩnh Linh, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 5; (6) Bến xe Lao Bảo: Diện tích: 13.009m², vị trí: thị trấn Lao Bảo huyện Hướng Hoá, đạt tiêu chuẩn bến xe loại 2.

+ Ngoài ra, định hướng phát triển bến xe khách kết hợp bến xe buýt quy mô 19.000m² tại xã Triệu An theo đúng Quy hoạch phân khu xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3585/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 (nằm bên phải Quốc lộ 49C tại Km5+600 và cách tim cầu Cửa Việt phía Nam khoảng 4,9km).

+ Các bến xe tại các trung tâm cụm xã và các thị trấn, thị tứ mới: Nhằm kịp thời phục vụ cho nhu cầu đi lại và giao lưu hàng hoá phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của các xã vùng sâu, vùng xa, các thị trấn mới thành lập, giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 cần đầu tư nâng cấp và xây dựng mới một số bến xe tại các xã vùng sâu và các thị trấn, cụ thể bao gồm: (1) Bến xe Cửa Tùng, Khu vực Cửa Tùng, diện tích 1.500m²; (2) Bến xe Hải Lệ Thôn Tân Mỹ, xã Hải Lệ, diện tích 1.500m²; (3) Bến xe xã Ba Lòng, diện tích 1.500m²; (4) Bến xe xã Hướng Phùng, diện tích 1.500m²; (5) Bến xe xã Hướng Lập, diện tích 1.500m²; (6) Bến xe Cùa, Xã Cam Chính, diện tích 1.500m²; (7) Bến xe Pa Tầng, Huyện Hướng Hoá, diện tích 1.500m².

- **Điểm đón, trả khách, biển báo, nhà chờ phục vụ hoạt động vận tải hành khách** bằng xe buýt: Toàn tỉnh có 52 biển báo dừng, đón trả khách (theo Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh) và 12 nhà chờ xe buýt phục vụ trên hai tuyến xe buýt nội tỉnh Đông Hà - Hồ Xá, Cửa Tùng - Cam Lộ.

- **Trung tâm cứu hộ đường bộ:** Trên địa bàn tỉnh chưa có Trung tâm cứu hộ đường bộ, chỉ có một số phương tiện cứu hộ cá nhân mang tính tự phát, chưa đảm bảo tính chuyên nghiệp và quy mô cần thiết.

- **Trạm dừng nghỉ:** Hiện nay, trên tuyến QL.1 có 03 trạm dừng nghỉ đang hoạt động, cụ thể: Tại Km718+00 - QL.1 (*trái tuyến*) trạm dừng nghỉ Phú Hải (*Vĩnh Linh*); tại Km747+700 - QL.1 (*phải tuyến*) trạm dừng nghỉ Quán Ngang (*Gio Linh*); tại Km781+587 - QL.1 (*trái tuyến*) trạm dừng nghỉ Hải Trường (*Hải Lăng*).

- Đối với các tuyến Quốc lộ khác, trên địa bàn tỉnh được quy hoạch 03 trạm dừng nghỉ¹, cụ thể: 01 trạm dừng nghỉ trên tuyến QL.9 tại khoảng Km70+00, 02 trạm dừng nghỉ trên tuyến Hồ Chí Minh nhánh Đông tại Bến Tắt, trạm Cam Lộ đoạn giao Quốc lộ 9. Ngoài ra, trên hệ thống cao tốc Bắc - Nam phía Đông đi qua địa bàn tỉnh Quảng Trị có 02 vị trí trạm dừng nghỉ, cụ thể: 01 trạm dừng nghỉ thuộc Dự án thành phần cao tốc Vạn Ninh - Cam Lộ tại Km725+500 và 01 trạm dừng nghỉ thuộc Dự án thành phần cao tốc Cam Lộ - La Sơn tại Km36+500.

2. Hiện trạng về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường bộ

2.1. Tổng quan hoạt động kinh doanh vận tải hành khách đường bộ

- Đến hết năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 33 tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh từ Quảng Trị đi 17 tỉnh, thành phố với 35 đơn vị vận tải trong và ngoài tỉnh tham gia khai thác; riêng tỉnh Quảng Trị có 11 đơn vị tham gia vận tải hành khách tuyến cố định khai thác trên 38 tuyến (21 tuyến liên tỉnh, 17 tuyến nội tỉnh) với 243 xe; 01 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên 02 tuyến xe buýt với 10 xe; 08 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi với 350 xe; 14 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng với 319 xe.

- Hoạt động vận tải hành khách đường bộ cơ bản đáp ứng được yêu cầu về công tác quản lý và phục vụ nhu cầu đi lại của người dân, thông qua việc thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Siết chặt công tác quản lý vận tải; tăng cường kiểm tra dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình và camera; giám sát công tác tập huấn, nâng cao nghiệp vụ cho các lái xe và nhân viên phục vụ trên xe; cấp giấy phép kinh doanh vận tải và phù hiệu xe theo quy định; thực hiện đa dạng hóa các loại hình kinh doanh vận tải, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, hiện đại hóa các phương tiện, đảm bảo hoạt động an toàn, thân thiện với môi trường, mỹ quan đô thị và giảm thiểu tai nạn giao thông. Nhìn chung chất lượng phục vụ vận tải hành khách ngày càng được nâng cao, từng bước tạo được hình ảnh, ấn tượng tốt đẹp, làm hài lòng cho du khách và người dân.

¹ Tại các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: số 2753/QĐ-BGTVT ngày 10/9/2013 về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống trạm dừng nghỉ trên Quốc lộ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và số 1594/QĐ-BGTVT ngày 29/4/2014 về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống các trạm dừng, nghỉ dọc theo tuyến chính dự án đường Hồ Chí Minh

2.2. Sản lượng hoạt động vận tải hành khách đường bộ:

Năm 2023, khối lượng vận chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh đạt 8,3 triệu lượt khách; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014-2019 đạt khoảng 5,0%/năm.

Bảng 1. Khối lượng vận chuyển hành khách giai đoạn 2014-2023

STT	Năm	Vận chuyển hành khách (HK)		Ghi chú
		Triệu lượt HK	Triệu lượt HK.Km	
1	2014	4,740	454,442	
2	2015	4,674	450,959	
3	2016	4,864	472,377	
4	2017	5,012	486,470	
5	2018	5,040	489,639	
6	2019	5,081	494,667	
<i>Tăng trưởng bình quân 2014-2019</i>		<i>2,43%</i>	<i>3,04%</i>	
1	2020	6,316	518,202	
2	2021	4,918	304,872	
3	2022	7,618	666,029	
4	2023	8,350	723,019	
<i>Tăng trưởng bình quân 2020-2023</i>		<i>7,62%</i>	<i>7,91%</i>	
Tăng trưởng bình quân 2014-2023		5,03%	5,48%	

(Số liệu lấy từ báo cáo KHTX tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ: <http://bcktxh.quangtri.gov.vn>)

2.3. Số lượng xe ô tô, xe mô tô trên địa bàn tỉnh.

Đến hết năm 2023, trên địa bàn tỉnh có 53.464 xe ô tô và 366.605 xe mô tô, 19.845 xe điện. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2014-2023: Xe ô tô đạt khoảng 12,3%/năm, xe mô tô đạt khoảng 8,55%/năm.

2.4. Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách đường bộ trên địa bàn tỉnh.

- Vận tải hành khách theo tuyến cố định: Có 11 đơn vị vận tải trong tỉnh tham gia vận tải hành khách tuyến cố định khai thác trên 38 tuyến (21 tuyến liên tỉnh, 17 tuyến nội tỉnh) với 243 xe. Tốc độ tăng trưởng phương tiện bình quân giai đoạn 2019-2023 là: 5,48%/năm.

- Vận tải hành khách bằng xe buýt: Có 01 đơn vị tham gia vận tải hành khách bằng xe buýt trên 02 tuyến với 10 xe. Hiện đang thực hiện các thủ tục để sớm đưa vào vận hành khai thác tuyến xe buýt liên tỉnh Huế - Quảng Trị.

- Vận tải hành khách bằng xe taxi: Có 08 đơn vị tham gia vận tải hành khách bằng xe taxi với 350 xe. Số lượng xe tăng so với giai đoạn 2014-2019 là 130 xe (49,5%) do có thêm 01 doanh nghiệp hoạt động vận tải khách bằng taxi điện.

- Vận tải hành khách bằng xe hợp đồng: Có 14 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng với 319 xe. Tốc độ tăng trưởng phương tiện bình quân giai đoạn 2019-2023 là: 5,48%/năm.

Bảng 2. Số lượng phương tiện vận tải hành khách giai đoạn 2019-2024

Năm	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Loại phương tiện	(số lượng xe)	(số lượng xe)	(số lượng xe)	(số lượng xe)	(số lượng xe)	(số lượng xe)
Xe tuyến cố định	336	329	316	322	343	243
Xe buýt	10	10	10	10	10	10
Xe taxi	127	165	179	195	240	350
Xe hợp đồng	271	286	330	365	315	319
Tổng số	744	790	835	892	908	922

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN PHƯƠNG TIỆN KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG ĐƯỜNG BỘ ĐẾN NĂM 2030

1. Dự báo về nhu cầu vận tải hành khách.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 giai đoạn 2020-2021, tuy nhiên Chính phủ đã có những chiến lược chống dịch hiệu quả, kèm theo đó đã ban hành Chương trình tổng thể phục hồi và phát triển kinh tế cho giai đoạn 2022-2023 với nhiều giải pháp kích thích sự phục hồi và phát triển kinh tế, trong đó có chiến lược về tiêm chủng vắc xin và kiên định mở cửa nền kinh tế, hoạt động vận tải hành khách đang dần phục hồi và phát triển. Do đó, trong công tác dự báo vận tải hành khách bằng đường bộ thời gian tới như sau: Trên cơ sở thống kê khối lượng vận chuyển hành khách đường bộ giai đoạn 2019-2023, tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm là 8%; dự báo tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2022-2030 tăng từ 10%-12%/năm.

2. Định hướng phát triển số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ đến năm 2030

- Xác định số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ đảm bảo phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 dựa trên tình hình phát triển số phương tiện các năm trước đó.

- Đảm bảo tính hợp lý và đầy đủ về cơ cấu phương tiện giữa các loại hình kinh doanh vận tải, thúc đẩy phát triển kinh doanh vận tải bằng xe ô tô để gắn kết với mạng lưới vận tải hành khách bằng đường bộ, đường thủy, đường sắt và đường hàng không trên toàn quốc.

- Kiểm soát chặt chẽ sự phát triển về số lượng đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, khuyến khích các đơn vị đầu tư mở rộng quy mô hoạt động và phát triển thêm các đơn vị có quy mô đầu tư lớn và có năng lực về tài chính, quản lý điều hành; tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp phương tiện tham gia kinh doanh vận tải nhưng chưa được cấp phù hiệu để quản lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông, trật tự xã hội, tạo điều kiện phát triển mạnh ngành du lịch, dịch vụ với chi phí vận tải hợp lý.

2.1. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định.

- Số lượng phương tiện cụ thể hoạt động kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định trên địa bàn tỉnh được xác định dựa trên Danh mục mạng lưới tuyến, công suất các bến xe khách trên địa bàn tỉnh được cơ quan có thẩm quyền công bố và trên cơ sở các tuyến đường, các khu dân cư, khu công nghiệp, bến xe hiện có và bến xe mới được xây dựng đưa vào khai thác, sử dụng.

- Đối với tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh: Thực hiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh theo Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Bộ Giao thông vận tải công bố tại Quyết định số 927/QĐ-BGTVT ngày 15/7/2022 và cập nhật định kỳ theo quy định.

Ưu tiên phát triển, mở mới các tuyến vận tải hành khách liên tỉnh từ tỉnh Quảng Trị đi đến 62 tỉnh, thành phố khác, nhằm kết nối tỉnh Quảng Trị với trung tâm các tỉnh, vùng miền kinh tế trong cả nước²; thay thế phương tiện cũ bằng phương tiện vận tải chất lượng cao với nhiều dịch vụ để phục vụ hành khách trên hành trình.

- Đối với tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh: Thực hiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh theo Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 26/4/2024. Duy trì các tuyến vận tải hành khách kết nối từ thành phố Đông Hà đi đến các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện việc chuyển đổi các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh thành các tuyến xe buýt cố định nội tỉnh để phục vụ tốt hơn nhu cầu đi lại của hành khách, đặc biệt các địa phương vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện đi lại khó khăn.

- Kế hoạch phát triển số lượng xe tuyến cố định đến năm 2030: Trên cơ sở thống kê số lượng xe tuyến cố định giai đoạn 2019-2023, tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm là 5%; dự báo tốc độ tăng trưởng xe tuyến cố định bình quân hàng năm giai đoạn 2024-2026 tăng từ 7%-9%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng từ 10% - 12%/năm.

² Hiện nay có 11 đơn vị kinh doanh vận tải khai thác 17 tuyến vận tải khách cố định đi đến 11 địa phương trong cả nước gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Bình, Bắc Ninh.

2.2. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

- Tiếp tục mở các tuyến xe buýt phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các ngành. Đảm bảo kết nối những khu đô thị, công nghiệp, du lịch, trường học... tới các điểm dân cư trên địa bàn tỉnh và một số tỉnh liền kề, đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân. Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải đầu tư phương tiện chạy bằng nhiên liệu sạch hoặc năng lượng điện đảm bảo thân thiện môi trường, phương tiện hỗ trợ cho người khuyết tật.

- Củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến xe buýt đang hoạt động, tăng tần suất và điều chỉnh các tuyến theo sự phát triển đô thị nhằm tăng khả năng thu hút hành khách. Tổ chức các tuyến khép kín trong nội thành, nội thị và hình thành các tuyến theo sự phát triển của các khu chức năng: Đô thị, công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch, di tích lịch sử văn hóa, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao...

- Thực hiện khai thác tuyến xe buýt theo Danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách bằng xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh công tại Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 theo quy định.

- Thực hiện việc chuyển đổi các tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh thành các tuyến xe buýt cố định nội tỉnh; ưu tiên phát triển các dòng xe sử dụng nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường.

- Kế hoạch phát triển số lượng xe buýt đến năm 2030: Trên cơ sở thống kê số lượng xe buýt giai đoạn 2019-2023 và quy hoạch các tuyến xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; dự báo tốc độ tăng trưởng xe buýt bình quân hàng năm giai đoạn 2024-2026 tăng từ 150%-200%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng từ 15%-20%/năm.

2.3. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

- Phát triển số lượng xe taxi hợp lý, đồng bộ về cơ sở hạ tầng và phương tiện vận tải. Ưu tiên phát triển mạng lưới vận tải hành khách bằng xe taxi tại các đô thị, khu du lịch. Chú trọng nâng cao chất lượng phương tiện vận tải theo hướng đảm bảo an ninh, an toàn, hiện đại, chất lượng, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường đáp ứng đầy đủ nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch.

- Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải: Đầu tư phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch (năng lượng điện và khí hóa lỏng), phương tiện hỗ trợ cho người khuyết tật phù hợp với từng giai đoạn phát triển; cải tạo khoang ngăn giữa lái xe và hành khách phù hợp để tăng tính an toàn cho lái xe khi tham gia vận tải; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành vận tải như ứng dụng gọi xe bằng điện thoại thông minh (smartphone)...

- Kế hoạch phát triển số lượng xe taxi đến năm 2030: Trên cơ sở thống kê số lượng xe taxi giai đoạn 2019-20213, tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm là 7,6%/năm; dự báo tốc độ tăng trưởng xe bình quân hàng năm giai đoạn 2024-2026 tăng từ 10%-20%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng từ 20%-30%/năm.

2.4. Đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng, xe du lịch.

- Duy trì số lượng phương tiện vận tải hành khách bằng xe hợp đồng, xe du lịch đáp ứng đầy đủ nhu cầu đi lại của người dân và khách du lịch trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích ứng dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng, xe du lịch.

- Đầu tư đổi mới phương tiện vận chuyển, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an toàn, thuận lợi cho người dân và khách du lịch khi sử dụng xe hợp đồng, xe du lịch.

- Kế hoạch phát triển số lượng xe hợp đồng, xe du lịch đến năm 2030: Trên cơ sở thống kê số lượng xe hợp đồng giai đoạn 2019-2024, tốc độ tăng trưởng bình quân 05 năm là 8%/năm; dự báo tốc độ tăng trưởng xe bình quân hàng năm giai đoạn 2024-2026 tăng từ 9%-10%/năm, giai đoạn 2026-2030 tăng từ 10%-12%/năm.

Bảng 3. Kế hoạch phát triển phương tiện VTHK giai đoạn 2024-2030

Loại phương tiện \ Năm	2024 (số lượng xe)	2025 (số lượng xe)	2030 (số lượng xe)
Xe tuyến cố định (gồm cả nội tỉnh và ngoại tỉnh)	243	280	400*
Xe buýt	10	80	200
- Xe buýt nội tỉnh	10	60	150
- Xe buýt ngoại tỉnh	00	20	50
Xe taxi	350	400	500**
Xe hợp đồng, xe du lịch	319	350	350
Tổng số	922	1.130	1.650

**(Phân đầu đến năm 2030, chuyển toàn bộ các phương tiện hoạt động vận tải khách cố định nội tỉnh sang xe buýt, do đó số lượng xe tuyến cố định nội tỉnh sẽ giảm trong thời gian tới, đồng thời tăng số xe tuyến cố định liên tỉnh lên)*

*** (Duy trì số lượng phương tiện xe taxi hiện có, các phương tiện xe taxi thay thế hoặc bổ sung ưu tiên sử dụng xe sử dụng nhiên liệu sạch (năng lượng điện và khí hóa lỏng)).*

V. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH

Để Kế hoạch phát triển và quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ đảm bảo phù hợp với nhu cầu đi lại của người dân và thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 triển khai thực hiện có hiệu quả và đạt mục tiêu đề ra; yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

1. Sở Giao thông vận tải

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô theo quy định tại Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 và số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ; Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 và số 05/2024/TT-BGTVT ngày 31/3/2024 của Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp luật có liên quan.

- Căn cứ vào lộ trình để chủ động giải quyết tăng, giảm số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; Tham mưu, đề xuất các nội dung liên quan về công tác quản lý hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ theo quy định.

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế, nhu cầu đi lại của hành khách, thực trạng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ để tham mưu điều chỉnh số lượng phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô phù hợp, đáp ứng nhu cầu kinh doanh của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo lực lượng Thanh tra Giao thông và các phòng, đơn vị chuyên môn có liên quan tiến hành thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định.

- Phối hợp Cục Thuế tỉnh cung cấp thông tin về các tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô mới được thông báo khai thác tuyến thành công đi vào hoạt động; chỉ đạo các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách, các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách thực hiện việc cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động của phương tiện vận tải hành khách bằng xe ô tô cho cơ quan thuế theo quy định.

2. Công an tỉnh

- Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông, Công an các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, xử lý nghiêm đối với các phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông; trong đó chú trọng các phương tiện hoạt động vận tải hành khách nhưng không được cấp phù hiệu.

- Chủ trì, phối hợp Sở Giao thông vận tải, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh và các địa phương, cơ quan quản lý đường bộ có liên quan triển khai thực hiện Đề án đầu tư lắp đặt camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh, trật tự và xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Y tế

Chỉ đạo các cơ sở y tế nâng cao chất lượng việc khám sức khỏe cho người lái xe; xây dựng kế hoạch thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin để khám sức khỏe; cung cấp hồ sơ, giấy khám sức khỏe điện tử cho lái xe và chia sẻ, tích hợp với cơ sở dữ liệu sức khỏe của Cục Quản lý Khám chữa bệnh (Bộ Y tế) trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các kế hoạch về kiểm tra, xử lý lái xe liên quan việc lái xe sử dụng chất ma túy, các chất kích thích khác.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quy hoạch đô thị đảm bảo quỹ đất dành để xây dựng hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, vị trí đón, trả khách cho phương tiện vận tải hành khách công cộng.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông báo, đài tăng cường công tác tuyên truyền về các nội dung tại các Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 và số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ và Kế hoạch này; phản ánh các vụ việc liên quan đến công tác quản lý phương tiện kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ trên địa bàn tỉnh để tuyên truyền cho mọi tầng lớp người dân được biết.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm về hoạt động quảng cáo kinh doanh vận tải hành khách không đúng quy định (*của các tổ chức, cá nhân không có giấy phép đăng ký kinh doanh*) trên phương tiện kinh doanh vận tải, trên các trang mạng xã hội, trang thông tin điện tử.

6. Cục Thuế tỉnh

- Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị kinh doanh vận tải triển khai thực hiện hóa đơn điện tử trong giao dịch bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Chủ động phối hợp Sở Giao thông vận tải cập nhật thông tin của các tổ chức, cá nhân phát sinh hoạt động kinh doanh vận tải để thực hiện quản lý thu thuế.

- Thực hiện công tác Quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô trên địa bàn theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước tại địa phương phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quy hoạch đô thị đảm bảo quỹ đất dành cho xây dựng hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, vị trí đón, trả khách cho phương tiện vận tải hành khách.

- Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương để triển khai các nội dung: Xác định, xây dựng và quản lý hệ thống bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, vị trí đón, trả khách cho phương tiện vận tải hành khách trên địa bàn quản lý.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức, triển khai có hiệu quả Kế hoạch này.

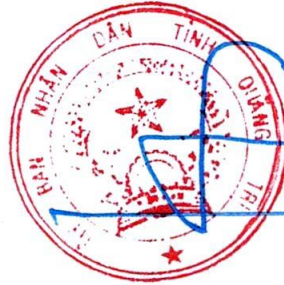
2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch này, tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giao thông vận tải tổng hợp) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Cục Thuế tỉnh
- VP ATGT tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT(H).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Tiến